

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Bùi Thế Cường
- Năm sinh: 16/3/1952
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sỹ
Chuyên ngành: Xã hội học Năm cấp bằng: 1989
Nơi cấp bằng: Viện Xã hội học và Chính sách xã hội, Viện Hàn lâm khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức, Berlin
- Tên luận án: Chính sách xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Giáo sư, năm công nhận 2010
- Ngành, chuyên ngành khoa học: Xã hội học
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Nghiên cứu viên cao cấp thuộc Viện Phát triển chiến lược, Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng, Tổng Biên tập Tạp chí khoa học
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): Hội đồng Giáo sư cơ sở Viện Xã hội học (2001-2004); Hội đồng Giáo sư cơ sở Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ (2009)
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Hội đồng Giáo sư liên ngành xã hội học, chính trị học, quan hệ quốc tế (2001-2020)

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 14 (12 chuyên khảo, 1 giáo trình, 1 tham khảo).

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn):

Sách xuất bản từ năm 2015 đến năm 2020:

Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách, tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Mã số ISBN	Chỉ số trích dẫn	Ghi chú
1	이한우, 부이 테 끄영. 2015. <한국-베트남 관계 20년, 1992~2012: 협력관계의 전개와 발전 방향>. 서울: 폴리테이아. 이한우, 부이 테 끄영. 2015. <한국-베트남 관계 20년, 1992~2012: 협력관계의 전개와 발전 방향>. 서울: 폴리테이아. (Lee Han Woo, Bui The Cuong. 20 nam quan he Viet Nam-Han Quoc 1992-2012: Trien khai quan he hop tac va phuong huong phat trien).	Nxb Politeia. Seoul. Hàn Quốc	2015			

Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Mã số ISBN	Chỉ số trích dẫn	Ghi chú
1	Việt Nam – Hàn Quốc: Một phần tư thế kỷ chia sẻ cùng phát triển (Lee Han Woo, Bùi Thế Cường).	Nxb. Đại học quốc gia TPHCM	2015			

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 66 bài báo tạp chí trong nước; 08 bài báo tạp chí quốc tế

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có):

Bài báo khoa học công bố từ năm 2015 đến năm 2020:

Đăng trên tạp chí Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, Tên công trình</i>	<i>Năm công bố</i>	<i>Tên tạp chí</i>
1	Vietnamese Civic Organisations: Supporters of or Obstacles to Further Democratisation? Results from An Empirical Survey. (Đồng tác giả).	2016	Journal of Current Southeast Asian Affairs. Vol. 35. No. 2. pp. 57-88.
2	Three Basic Material Resources for the Elderly in the Red River Delta. Trong: Ochiai, Emiko and Patricia Uberoi (ed.). 2021. <i>Asian Families and Intimacies</i> . Volume 4.	2021	SAGE. Pp. 49-57.

Đăng trên tạp chí trong nước:

<i>TT</i>	<i>Tên tác giả, Tên công trình</i>	<i>Năm công bố</i>	<i>Tên tạp chí</i>
1.	Bùi Thế Cường. “Nông dân trong cấu trúc phân tầng xã hội”	2015	Tạp chí Xã hội học. Số 2(130)/2015. 20-31.
2.	Bùi Thế Cường, Tô Đức Tú, Phạm Thị Dung. “Tầng lớp trung lưu ở Thành phố Hồ Chí Minh: Cơ cấu và đặc điểm nhân khẩu”	2015	Tạp chí Nghiên cứu Phát triển TPHCM. Số 12 (2/2015). 73-79.
3.	Bùi Thế Cường. “Nghiên cứu phân tầng xã hội ở Nam Bộ”.	2015	<i>Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM</i> . Số 9-10 (205-206)/2015. Trang 42-57.
4.	Bùi Thế Cường, Phạm Thị Dung. “Tầng lớp trung lưu ở TPHCM: Sự hài lòng về đời sống gia đình”.	2015	<i>Tạp chí Nghiên cứu phát triển</i> . Số 14 (4/2015). Trang 74-79.
5.	Bùi Thế Cường, Phạm Thị Dung. “Chuyển dịch cơ cấu nghề trên một mẫu khảo sát lặp lại ở Đông Nam Bộ”	2016	Tạp chí KHXH (TPHCM). Số 1(209)/2016.
6.	Bùi Thế Cường. “Người dân ở vùng Đông Nam Bộ xếp bậc uy tín nghề nghiệp”	2016	Tạp chí Xã hội học. Số 1 (133)/2016
7.	Bùi Thế Cường, Phạm Thị Dung. “Ba nguồn lực ở tầng lớp trung lưu TPHCM”	2016	Tạp chí Nghiên cứu phát triển. Số 15 (1/2016)
8.	Bùi Thế Cường. “Cảnh quan nghiên cứu phân tầng xã hội ở Việt Nam”	2016	Tạp chí Xã hội học. Số 3 (135)/2016

9.	Bùi Thế Cường. “Dân cư Thành phố Hồ Chí Minh mong muốn mức học vấn cho con”	2017	Tạp chí Nghiên cứu phát triển. Số 19 (1/2017). 39-43.
10.	Bùi Thế Cường. “Cư dân Thành phố Hồ Chí Minh với đọc báo, thể dục thể thao, du lịch và giải trí văn nghệ”	2017	Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM. Số 5(225)/2017. 15-22.
11.	Bui, Cuong The. “Intentions of Vietnamese Families for Future: Findings from a Survey in the Southern Key Economic Zone of Vietnam”	2017	Tạp chí <i>Sociology</i> . Vol.5, Number 1. June 2017. 50-60
12.	Bùi Thế Cường. “Một phân loại giai tầng trung lưu Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam”	2017	Tạp chí Xã hội học. Số 3(139)/2017. 43-51
13.	Bùi Thế Cường. “Nhận xét bước đầu về nghiên cứu đa ngành, liên ngành và xuyên ngành ở Việt Nam”	2017	Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM. Số 11(231)/2017. 76-80.
14.	Bùi Thế Cường. “Mười lăm luận đề nghiên cứu xuyên ngành của Hirsch Hadorn và cộng sự”	2018	Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM. Số 1(233)/2018. 82-86.
15.	Bùi Thế Cường. “Xã hội học ở Trung Quốc trước 1949”	2018	Tạp chí Xã hội học. Số 3(243)/2018. 1-16.
16.	Bùi Thế Cường. “Nghiên cứu giai tầng xã hội Việt Nam thập niên 1980”	2019	Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM, Số 12(256)/2019. 16-36.
17.	Bùi Thế Cường. “Phân loại thực nghiệm giai cấp xã hội chính thức ở Anh”	2019	Tạp chí Xã hội học, Số 3(147)/2019. 51-59.
18.	Bùi Thế Cường. “Phân tích chính sách xã hội dựa trên khung đánh giá quản trị bền vững”	2020	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, Số 1(44)-2020. 3-12.
19.	Bùi Thế Cường. “Cơ cấu giai cấp xã hội dựa theo nghề ở tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thập niên 2000”	2020	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, Số 2(45)-2020. 50-59.
20.	Bùi Thế Cường. “Định nghĩa vấn đề xã hội theo cách xã hội học”	2020	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, Số 3(46)-2020. 3-8.
21.	(Bùi Thế Cường và Trương Sĩ Ánh) “Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam, 1998-2018”	2020	Tạp chí Xã hội học, số 2(150). 20-30.
22.	Bui the Cuong. “How Do Southern Vietnamese Families Satisfy with Their Job and Family’s	2020	<i>Sociology</i> , Vol. 8 No. 1 (June 2020). 54-62.

	Conditions?"		
23.	Bùi Thế Cường. “Giai cấp trung lưu và công nhân lao động Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam thập niên 2000”	2020	Tạp chí Khoa học xã hội TP HCM, số 8(264)/2020. 24-41.
24.	Bùi Thế Cường. “Một trình bày thống kê về giai cấp trung lưu và công nhân lao động ở Việt Nam thập niên 2010”	2020	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, Số 5(48)-2020. 3-11.
25.	Bùi Thế Cường. “Một trình bày thống kê về giai cấp trung lưu và công nhân lao động ở Việt Nam thập niên 2010”	2020	Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, Số 5(48)-2020. 3-11.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 02 cấp Nhà nước; 03 chương trình cấp Bộ; 08 cấp Bộ và tương đương; 18 dự án nghiên cứu quốc tế

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài):

Các chương trình, đề tài nghiên cứu từ năm 2015 đến năm 2020

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
A	Chương trình cấp Nhà nước, Đề tài cấp Nhà nước, Chương trình cấp Bộ			
1	Chuyển dịch cơ cấu xã hội trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 (KX.02.20/11-15)	2014-2016	Nhà nước	Chủ nhiệm đề tài
B	Đề tài cấp Bộ, tỉnh thành			
1	Cơ cấu giai tầng xã hội vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2010-2020	2019-2020	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Chủ nhiệm Đề tài
C	Dự án nghiên cứu quốc tế			
1	Quan hệ Việt Nam-Hàn Quốc 20 năm	2011-2015	Đại học Sogang	Chủ nhiệm Đề tài
2	Vai trò của các tổ chức xã hội ở Việt Nam, Algérie và Mozambique	2014-2015	Viện nghiên cứu châu Á GIGA CHLB	Chủ nhiệm Đề tài

			Đức	
3	The Transition of Vietnamese Family in the Doi Moi Period	2015-2016	Viện Các nền kinh tế đang phát triển, Nhật	Chủ nhiệm Đề tài
4	Dynamics and Transformation of the Vietnamese Family in the Doi Moi Period	2016-2017	Viện Các nền kinh tế đang phát triển, Nhật	Chủ nhiệm Đề tài
5	Fostering Multi-lateral Knowledge Networks of Transdisciplinary Studies to Tackle Global Challenges	2017-2019	Đại học Vienna, Austria	Chủ nhiệm Đề tài

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có): Không

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích

- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật

- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 05 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kể với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):

Danh sách NCS đã hướng dẫn thành công từ năm 2015 đến năm 2020:

TT	Họ và tên nghiên cứu sinh	Tên đề tài luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Cơ sở đào tạo
1	Ngô Văn Thạo	Phát triển doanh nghiệp xã hội trong lĩnh vực	2015	Tiến sĩ	Hướng	Học viện Khoa học xã

		nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long			dẫn chính	hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
2	Lê Hoàng Việt Lâm	Vị thế của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên (Nghiên cứu trường hợp dân tộc Ê đê và Gia Rai)	2018	Tiến sỹ	Hướng dẫn chính	Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
3	Trần Nguyễn Tường Oanh	Quan niệm truyền sinh trong hôn nhân của Công giáo và kế hoạch hóa gia đình của các cặp vợ chồng Công giáo hiện nay tại Thành phố Hồ Chí Minh	2019	Tiến sỹ	Hướng dẫn chính	Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

3. Các thông tin khác:

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

- 1) Bùi Thế Cường. Bản sắc văn hoá Việt nhìn từ góc độ sắp xếp đời sống gia đình. *Tạp chí Xã hội học*. Số 2/1999. Trang 40-43.
- 2) Bùi Thế Cường. Già hoá dân số Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với chính sách người cao tuổi. *Tạp chí Xã hội học*. Số 1/2001. Trang 24-29.
- 3) Bùi Thế Cường. *Chính sách xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam thập niên 90*. Nxb Khoa học xã hội. 2002.
- 4) Bùi Thế Cường. *Trong miền an sinh xã hội. Nghiên cứu về tuổi già Việt Nam*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. 2005.
- 5) Bùi Thế Cường. *Góp phần tìm hiểu biến đổi xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Nxb Khoa học xã hội. 2010.
- 6) Bùi Thế Cường và Solvay Gerke (Chủ biên). *Nước là nguồn chiến lược: Đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb Từ điển Bách khoa. 2013.

7) Bùi Thế Cường. Xã hội học ở Trung Quốc trước 1949. *Tạp chí Xã hội học*. Số 3(243)/2018. Trang 1-16.

8) Bùi Thế Cường. Nghiên cứu giai tầng xã hội Việt Nam thập niên 1980. *Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM*. Số 12(256)/2019. Trang 16-36.

9) Bùi Thế Cường và Trương Sĩ Ánh. Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam, 1998-2018. *Tạp chí Xã hội học*. Số 2(150)/2020. Trang 20-30.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

3.4. Ngoại ngữ


TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Anh	X			X			X			X		
2	Đức	X			X			X			X		
3	Nga	X			X			X			X		

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. HCM, ngày 29 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)


Bùi Thế Cường